ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 645 /QĐ-UBND	*Lạng Sơn, ngày 29 tháng 4 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành công trình Trồng rừng sản xuất, rừng phòng hộ năm 2018 huyện Bình Gia; chăm sóc rừng phòng hộ năm 2018 (rừng trồng năm 2016) huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh;

Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Báo cáo thẩm tra đề nghị quyết toán công trình hoàn thành số 164/BC-STC ngày 24 tháng 4 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành

1. Tên công trình: Trồng rừng sản xuất năm 2018 huyện Bình Gia, trồng rừng phòng hộ năm 2018 huyện Bình Gia, chăm sóc rừng phòng hộ năm 2018 (rừng trồng năm 2016) huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.

2. Chủ đầu tư: UBND huyện Bình Gia.

3. Địa điểm trồng rừng sản xuất, rừng phòng hộ và chăm sóc rừng phòng hộ (rừng trồng năm 2016) tại: xã Mông Ân, xã Vĩnh Yên và xã Minh Khai, huyện Bình Gia.

4. Thời gian trồng rừng sản xuất, trồng rừng phòng hộ và chăm sóc rừng phòng hộ: năm 2018; thời gian hoàn thành: năm 2018.

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Chi phí đầu tư *Đơn vị tính: đồng*

Số TT	Nội dung	Tổng dự toán được phê duyệt	Giá trị quyết toán phê duyệt
Tổng số		**1.126.000.000**	**976.158.000**
1	Chi phí trồng rừng sản xuất	400.000.000	399.917.000
2	Chi phí trồng rừng phòng hộ	594.000.000	444.241.000
3	Chi phí chăm sóc rừng phòng hộ	132.000.000	132.000.000

2. Vốn đầu tư *Đơn vị tính: đồng*

Số TT	Nội dung	Tổng dự toán được duyệt	Thực hiện			
			Giá trị quyết toán được phê duyệt	Số vốn đã giải ngân	Số vốn còn được giải ngân so với giá trị quyết toán được phê duyệt	Số vốn phải thu hồi so với giá trị quyết toán được phê duyệt
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6=4-5*	*7=5-4*
	Tổng số	**1.126.000.000**	**976.158.000**	**976.158.000**	0	0
1	Vốn đầu tư công (NSTW)	1.126.000.000	976.158.000	976.158.000	0	0
2	Vốn khác	0	0	0	0	0

3. Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư: không.

4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: 976.158.000 đồng.

5. Vật tư thiết bị tồn đọng: không.

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư

a) Được phép tất toán chi phí và vốn đầu tư là *Đơn vị tính: đồng*

Số TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
Tổng số		**976.158.000**	
1	Nguồn vốn đầu tư công (NSTW)	976.158.000	
2	Vốn khác	0	

b) Các khoản công nợ tính đến ngày lập báo cáo quyết toán

- Tổng nợ phải thu: 0 đồng.
- Tổng nợ phải trả: 0 đồng.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Bình Gia và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Dân tộc (HĐND tỉnh);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh, Phòng TH, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KT(PVĐ).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lương Trọng Quỳnh